

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 16/9/2018
(Kèm theo Quyết định số 1.202/QĐ-LTT-TTĐT ngày 30.../10.../2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh
về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK150155	17001509	Hà Lê Duy Anh	29/12/1999	Long An	17C1-CNÔ7	5,5	5,0	6,0	5,5	Trung bình
2	BK150157	16000621	Nguyễn Văn Anh	12/10/1997	Hà Tĩnh	16CĐ-ĐCN1	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
3	BK150158	15000823	Nguyễn Hàn Lâm Phương	19/06/1997	Quảng Ngãi	15CĐ-ĐCN2	4,0	4,0	7,0	5,0	Trung bình
4	BK150004	16000894	Lê Quốc Bảo	21/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TP1	5,0	3,0	6,0	5,0	Trung bình
5	BK150159	17001520	Đặng Quốc Bảo	14/05/1998	Tây Ninh	17C1-CNÔ7	6,0	3,0	5,0	5,0	Trung bình
6	BK150160	15000947	Phạm Quốc Bình	15/07/1997	Quảng Ngãi	15CĐ-TP1	6,0	3,0	7,0	5,5	Trung bình
7	BK150161	15001138	Phạm Cao Chánh	20/2/1995	Bình Thuận	15CĐ-ĐCN2	5,5	4,0	6,0	5,5	Trung bình
8	BK150162	16001988	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	05/07/1998	Đắk Lắk	16CĐ-MTT1	5,0	3,5	8,0	5,5	Trung bình
9	BK150014	16003874	Trần Thanh Duy	16/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7,0	7,5	7,0	7,0	Khá
10	BK150163	16000826	Nguyễn Phương Đông	14/12/1998	An Giang	16CĐ-Ô10	5,0	4,5	7,0	5,5	Trung bình
11	BK150164	16002539	Phạm Văn Đồng	01/07/1996	Hà Tĩnh	16CĐ-TP2	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
12	BK150166	17001539	Nguyễn Nhật Hào	10/02/1999	Tiền Giang	17C1-CNÔ7	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
13	BK150024	17001498	Võ Minh Hiên	08/01/1999	Quảng Ngãi	17C1-CNÔ7	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình

nu

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
14	BK150025	16003048	Nguyễn Văn Hiếu	02/09/1996	Đồng Nai	16CĐ-Ô9	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
15	BK150167	14000936	Bành Xuân Hoàng	01/06/1996	Lâm Đồng	14CĐ-Ô3	5,0	3,5	6,0	5,0	Trung bình
16	BK150168	14000686	Nguyễn Công Hoàng	01/06/1996	Đồng Tháp	14CĐ-CK2	5,0	3,5	7,0	5,0	Trung bình
17	BK150033	16003931	Võ Văn Hạp	01/01/1996	Quảng Ngãi	16CĐ-LTĐ	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
18	BK150034	16003141	Lê Minh Huân	24/09/1998	Thái Bình	16CĐN-Ô2	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
19	BK150035	16003555	Lê Thị Thu Huệ	09/06/1998	Tây Ninh	16CĐ-TM2	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
20	BK150039	16001050	Nguyễn Văn Mạnh Hùng	06/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
21	BK150040	16003955	Nông Thi Hùng	02/7/1988	Cao Bằng	16CĐ-LTĐ	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
22	BK150169	17001457	Trần Quang Huy	24/10/1999	Tiền Giang	17C1-CNÔ7	5,5	5,0	7,0	6,0	Trung bình
23	BK150044	16002638	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	15/09/1998	Phú Yên	16CĐ-MTT2	5,5	5,5	7,0	6,0	Trung bình
24	BK150051	15001506	Nguyễn Anh Kiệt	20/05/1997	Tây Ninh	15CĐ-O6	6,0	3,5	3,5	5,0	Trung bình
25	BK150171	17001503	Đỗ Lê Tuấn Kiệt	06/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ7	5,5	4,5	8,0	6,0	Trung bình
26	BK150045	16001994	Hoàng Đăng Khoa	07/06/1998	Tiền Giang	16CĐ-ĐCN2	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
27	BK150046	16000560	Nguyễn Anh Khoa	15/10/1997	Bình Thuận	16CĐ-CTM1	5,0	5,0	6,5	5,5	Trung bình
28	BK150170	17001452	Nguyễn Minh Khoa	01/12/1999	Cù Chi	17C1-CNÔ7	5,5	3,0	7,0	5,5	Trung bình
29	BK150047	17004933	Phạm Trịnh Minh Khôi	21/09/1981	Tp. Hồ Chí Minh	17C2-ĐĐT1	5,0	6,5	4,0	5,0	Trung bình
30	BK150048	15000681	Trần Quang Khôi	13/2/1997	Đồng Nai	15CĐ-Ô2	5,0	6,0	6,5	5,5	Trung bình
31	BK150049	16001573	Nguyễn Ngọc Hoài Khương	18/07/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN4	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
32	BK150053	17004944	Đồng Kim Lập	08/01/1990	Bến Tre	17C2-ĐĐT1	6,0	4,5	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
33	BK150054	16000868	Nguyễn Thành Lễ	29/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN1	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
34	BK150057	17004928	Đoàn Hữu Long	06/11/1988	Đồng Nai	17C2-ĐĐT1	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
35	BK150059	15001161	Nguyễn Hoàng Long	29/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-O4	6,0	5,5	8,0	6,5	Trung bình
36	BK150060	15002762	Nguyễn Văn Long	15/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-ĐCN4	4,5	6,5	3,5	5,0	Trung bình
37	BK150061	16000996	Trần Thành Long	18/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô11	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
38	BK150174	17001558	Nguyễn Văn Phi Long	28/07/1999	Đồng Nai	17C1-CNÔ7	5,5	5,0	8,0	6,0	Trung bình
39	BK150055	15003543	Nguyễn Thành Lộc	01/03/1994	Bến Tre	15CĐ-LTÔ	5,5	4,5	6,5	5,5	Trung bình
40	BK150056	16000834	Hồ Lê Bá Lợi	26/03/1998	Long An	16CĐ-ĐCN1	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
41	BK150066	16002934	Trần Xuân Minh	15/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN2	5,0	3,0	6,0	5,0	Trung bình
42	BK150068	16001067	Đào Thị Tú My	28/10/1998	Bến Tre	16CĐ-TĐH1	6,0	6,5	7,0	6,5	Trung bình
43	BK150175	17004929	Nguyễn Văn Mỹ	22/04/1982	Củ Chi	17C2-CCK1	6,5	4,0	4,0	5,5	Trung bình
44	BK150069	16000842	Hoàng Trung Nam	17/04/1998	Ninh Thuận	16CĐ-CTM1	5,0	5,5	6,0	5,5	Trung bình
45	BK150070	16002782	Lương Hoài Nam	03/12/1998	Đồng Tháp	16CĐ-ĐCN2	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
46	BK150071	16002541	Nguyễn Duy Nam	25/11/1993	Bến Tre	16CĐ-TM2	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
47	BK150072	16002837	Đỗ Văn Nên	06/07/1998	Tiền Giang	16CĐ-ĐL3	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
48	BK150176	12D2010103	Nguyễn Thái Nguyên	05/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	12CĐ-CK3	5,0	5,0	6,0	5,5	Trung bình
49	BK150079	16000865	Nguyễn Vũ Phát	29/08/1998	Cà Mau	16CĐ-ĐCN1	4,5	4,0	6,0	5,0	Trung bình
50	BK150080	15001783	Nguyễn Thanh Phi	04/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-Ô4	4,0	5,0	7,0	5,0	Trung bình
51	BK150081	16000844	Nguyễn Văn Phi	10/10/1998	Ninh Thuận	16CĐ-CTM1	5,5	4,5	4,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
52	BK150082	16003933	Trần Thanh Phú	01/09/1996	Long An	16CĐ-LTĐ	6,5	5,0	5,0	6,0	Trung bình
53	BK150084	16000884	Doãn Đức Thiên Phúc	26/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô10	6,5	7,5	8,0	7,0	Khá
54	BK150086	16000835	Nguyễn Hoàng Phúc	15/10/1998	Long An	16CĐ-ĐCN1	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
55	BK150087	17002243	Nguyễn Hồng Phúc	16/01/1999	Bình Định	17C1-CTM1	6,0	3,0	5,0	5,0	Trung bình
56	BK150088	14000516	Nguyễn Trương Thế Phúc	20/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	6,0	3,5	5,0	5,0	Trung bình
57	BK150089	15002088	Lê Thành Phước	08/08/1996	Lâm Đồng	15CĐ-TP2	6,0	4,0	6,0	5,5	Trung bình
58	BK150091	17001882	Đặng Xuân Quang	09/09/1999	Bình Phước	17C1-CNÔ9	6,0	5,0	8,0	6,5	Trung bình
59	BK150090	17004863	Trần Vũ Minh Quân	24/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	17C2-QTM1	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
60	BK150092	16002691	Nguyễn Trọng Quốc	05/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN4	6,0	5,0	4,0	5,5	Trung bình
61	BK150094	16001926	Lê Thị Hồng Quyên	09/05/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-MTT1	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
62	BK150095	16002918	Nguyễn Thị Lệ Quyên	31/08/1998	Long An	16CĐ-MTT2	6,0	5,5	7,0	6,0	Trung bình
63	BK150097	16002767	Nguyễn Ngọc Sang	22/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-CTM2	4,5	3,0	7,0	5,0	Trung bình
64	BK150100	16002849	Võ Thanh Sang	30/08/1997	Tây Ninh	16CĐ-Ô9	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
65	BK150101	17004915	Lê Thanh Soan	28/10/1992	Thái Bình	17C2-ĐBT2	5,0	3,5	7,5	5,5	Trung bình
66	BK150102	16002195	Nguyễn Ty Sơn	29/08/1997	Đắk Lắk	16CĐ-TP2	6,0	3,0	6,0	5,5	Trung bình
67	BK150103	16001173	Nguyễn Giang Sơn	26/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-MTT1	6,0	5,5	5,5	6,0	Trung bình
68	BK150104	16000970	Nguyễn Hồng Sơn	09/09/1998	Long An	16CĐ-CTM1	6,5	5,0	7,0	6,5	Trung bình
69	BK150105	15001652	Phạm Hồng Sơn	26/09/1997	Tây Ninh	15CĐ-ĐL2	7,0	5,0	5,5	6,0	Trung bình
70	BK150106	15001482	Trần Hoàng Sơn	25/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-O6	7,5	7,0	7,0	7,5	Khá

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
71	BK150178	17000357	Trần Trường Son	28/08/1999	Tây Ninh	17C1-CNO1	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
72	BK150107	16002664	Nguyễn Hữu Tâm	30/06/1998	Đồng Tháp	16CĐ-ĐCN2	7,5	6,0	5,0	6,5	Trung bình
73	BK150108	15002769	Võ Thanh Tâm	17/09/1997	Tây Ninh	15CĐ-Ô3	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
74	BK150109	16002317	Nguyễn Minh Tân	14/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TP1	6,0	4,5	7,0	6,0	Trung bình
75	BK150110	16000975	Nguyễn Phúc Tần	09/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô11	5,0	4,0	6,5	5,0	Trung bình
76	BK150128	16002186	Nguyễn Văn Tiên	12/04/1998	Phú Yên	16CĐ-CTM4	6,0	7,0	6,0	6,5	Giỏi
77	BK150129		Bùi Chung Tiến			16CĐ-MTT1	6,0	7,0	7,0	6,5	Trung bình
78	BK150130	16002500	Nguyễn Văn Mạnh Tiến	17/04/1998	Phú Yên	16CĐ-ĐCN1	6,5	7,0	8,0	7,0	Khá
79	BK150131	15003533	Nguyễn Thành Tiếp			15CĐ-LTÔ	6,5	6,5	4,0	6,0	Trung bình
80	BK150132	16001588	Nguyễn Công Tín	20/02/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-ĐCN4	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
81	BK150181	15003528	Đinh Hùng Tính	15/07/1994	Kiên Giang	15CĐ-LTÔ	6,5	3,0	6,0	5,5	Trung bình
82	BK150139	16002008	Phan Thành Tú	21/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TP2	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
83	BK150140	15001516	Nguyễn Nhật Tuân	10/02/1997	Cần Thơ	15CĐ-Ô6	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
84	BK150154	15001706	Trần Ngọc Tùng	21/06/1996	Thừa Thiên -Huế	15CĐ-TP2	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
85	BK150142	16001306	Nguyễn Thị Tuyết	12/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-MTT1	7,0	8,5	7,0	7,5	Khá
86	BK150141	16001195	Trần Mạnh Tường	26/07/1998	Khánh Hoà	16CĐ-TP1	5,5	4,0	6,0	5,5	Trung bình
87	BK150180	16002803	Nguyễn Công Thành	22/04/1998	Ninh Thuận	16CĐ-Ô5	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
88	BK150114	16002603	Huỳnh Công Thắng	01/10/1998	Bình Định	16CĐ-TM2	7,0	4,0	4,0	5,5	Trung bình
89	BK150115	15002715	Lê Minh Thắng	05/07/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-ĐCN4	6,5	4,0	4,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
90	BK150116	16002524	Nguyễn Quốc Thắng	10/12/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-ĐCN1	4,5	4,0	7,0	5,0	Trung bình
91	BK150121	16003932	Võ Lê Phú Thiện	06/04/1985		16CĐ-LTÔTÔ	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
92	BK150122	16002892	Nguyễn Thọ	25/12/1998	Bình Định	16CĐN-Ô2	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá
93	BK150123	15002243	Phan Xuân Thông	19/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-ĐL2	6,0	5,5	7,0	6,0	Trung bình
94	BK150124	15001368	Lê Minh Thuận	03/05/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	15CĐ-CTM1	5,0	5,5	8,0	6,0	Trung bình
95	BK150125	16002981	Phạm Văn Thuận	26/04/1997	Tây Ninh	16CĐ-Ô9	5,5	5,0	6,0	5,5	Trung bình
96	BK150126	14000526	Trần Đức Thuận	02/11/1994	Bình Định	14CĐ-ĐC01	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
97	BK150127	15002126	Nguyễn Vũ Minh Thúc	03/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-TP1	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
98	BK150182	16000463	Lê Đỗ Ngọc Trâm	08/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-MTT1	5,5	4,5	8,0	6,0	Trung bình
99	BK150134	15001479	Đặng Minh Trí	20/5/1997	Tây Ninh	15CĐ-ĐCN3	7,0	7,0	6,0	7,0	Khá
100	BK150136	15001660	Huỳnh Đức Trọng	09/03/1997	Kiên Giang	15CĐ-ĐL2	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
101	BK150137	15001186	Trương Quang Quốc Trọng	29/10/1997	Quảng Trị	15CĐ-TW	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
102	BK150143	16001053	Hoàng Anh Văn	08/11/1998	Vĩnh Phúc	16CĐ-Ô11	7,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình
103	BK150145	16000956	Trịnh Hoài Vĩ	20/07/1998	Bến Tre	16CĐ-Ô11	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
104	BK150146	16002528	Lê Hữu Viện	04/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô2	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
105	BK150147	14000922	Hà Thanh Vịnh	06/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	5,5	3,5	7,0	5,5	Trung bình
106	BK150148	15003329	Nguyễn Anh Vũ	14/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-ĐL2	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
107	BK150149	14001036	Hồ Ngọc Vương	24/12/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT04	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
108	BK150150	16002836	Trần Việt Bảo Vương	11/02/1997	Bình Thuận	16CĐ-TM2	5,0	7,0	6,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MS SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
109	BK150184	16000707	Bùi Thị Thanh Vy	01/06/1998	Bình Thuận	16CĐ-MTT1	5,0	4,0	9,0	6,0	Trung bình
110	BK150151		Nguyễn Lê Kim Yến			16CĐ-MTT1	5,5	3,5	5,0	5,0	Trung bình
111	BK150185	16000959	Nguyễn Thị Hải Yến	28/12/1997	Đồng Nai	16CĐ-MTT1	5,0	5,0	9,0	6,0	Trung bình

Tổng cộng 111 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc